

**TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST.

Ngày: 26 - 10 - 2023.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, ông Lê Văn Hoàn.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 25/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2023/QĐST – DS ngày 29/9/2023 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị S - Sinh năm 1959

Địa chỉ cũ: Toà nhà S402 V – Phường T, quận N, Thành phố H.

Địa chỉ mới: Số 136 Toà M chung cư khu đô thị T, phường K, quận H, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị H – sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh T.

Tại phiên toà, các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị S trình bày:

Trong năm 2014 bà Trịnh Thị S có cho bà Trịnh Thị H vay một số tiền. Cụ thể như sau: Ngày 27/02/2014 (âm lịch) tức ngày 27/3/2014 (dương lịch), cho vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Đến ngày 23/3/2014 (âm lịch) bà H đã trả cho bà S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Số tiền gốc bà H còn nợ bà S là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 27/7/2014 (âm lịch), cho vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tổng cộng bà H còn nợ bà S là 50.000.000đ (mười triệu đồng). Khi vay bà H có viết giấy vay nợ cho bà S. Thời hạn vay lâu dài khi nào bà S cần thì báo trước cho bà H một tháng, lãi suất hai bên thoả thuận với nhau là 2%/tháng. Sau đó, bà H gặp khó khăn nên đã xin bà S cho bớt nợ, bà S cũng đồng ý. Đến khi bà S cần tiền đã gặp bà H để đòi nợ nhưng bà H vẫn cố tình bớt nợ, nhiều khi gọi điện bà H không nghe máy, không có thiện chí trả nợ cho bà S. Từ khi vay tiền đến nay, bà H mới trả cho bà S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền lãi cho cả hai khoản vay trên.

Nay, bà S đề nghị Tòa án buộc bà Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay cho đến khi bà H trả hết nợ cho bà S với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, trừ đi số tiền lãi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bà H đã trả cho bà S.

Tại bản tự khai ngày 27/9/2023 và tại phiên tòa bị đơn là bà Trịnh Thị H trình bày như sau:

Ngày 27/02/2014 (âm lịch) tức ngày 27/3/2014 (dương lịch) bà H có vay bà S số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay lâu dài, lãi suất theo thoả thuận miệng với nhau là 2.000đồng/triệu/ngày. Đến ngày 23/3/2014 (âm lịch) tức là ngày 22/4/2014 (dương lịch) bà H trả trả cho bà S được 20.000.000 đồng tiền gốc, nên tính đến ngày 22/4/2014 (dương lịch) bà H còn nợ bà S 20.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi của 40.000.000 đồng bà H đã trả cho bà S đầy đủ tính đến ngày 22/4/2014. Đến ngày 27/7/2014 (âm lịch) tức là ngày 22/8/2014 (dương lịch) bà H lại vay thêm bà S số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất theo giấy vay nợ là 2%/tháng, nhưng thực tế là bà S tính lãi 2.000đồng/triệu/ngày. Hàng tháng bà H vẫn trả lãi đầy đủ cho bà S đến hết tháng 02/2018, tiền lãi bà H trả cho bà S hàng tháng chứ không phải trả một lần 10.000.000 đồng. Sau đó bà H không gặp bà S nên bà H không trả lãi cho bà S nữa. Đến tháng 4/2018, bà S gọi điện cho bà H để đòi tiền và cung cấp số tài khoản cá nhân của bà S cho bà H, nên

bà H trả chuyển khoản cho bà S 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) vào ngày 17/4/2018 để trừ vào số tiền nợ gốc đã vay và bà S đồng ý. Nhưng sau đó gia đình bà H gặp khó khăn nên bà H đã xin bà S để khất nợ. Đến tháng 4/2023 bà S gọi điện đòi nợ gắt gao nên bà H đã phải vay mượn để trả cho bà S 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 04/4/2023. Số tiền này được bà H trả vào số tiền nợ gốc đã vay. Nên bà H xác định, nay bà H chỉ còn nợ bà S số tiền nợ gốc là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), bà H sẽ có trách nhiệm trả cho bà S số tiền gốc còn nợ đầy đủ. Nhưng hiện nay gia đình bà H rất khó khăn nên bà H xin bà S tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa bà Trịnh Thị S cũng công nhận bà H đã trả cho bà được 02 lần bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 17/4/2018 là 8.000.000 đồng, ngày 04/4/2023 là 10.000.000 đồng. Khi chuyển khoản bà H cũng gọi điện thông báo cho bà và xin bà cho trừ vào số tiền nợ gốc đã vay nhưng bà S không đồng ý. Vì vậy, bà S yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/3/2014 (âm lịch) tức ngày 22/4/2014 (dương lịch) cho khoản vay 20.000.000 đồng và tính từ ngày 27/7/2014 (âm lịch) tức ngày 22/8/2014 (dương lịch) cho khoản vay 30.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà pháp luật quy định trừ đi số tiền lãi đã trả là 18.000.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn quá trình giải quyết vụ án không đến để làm việc theo giấy báo của Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trịnh Thị H phải trả cho bà khoản tiền nợ đã vay và tiền lãi phát sinh. Bị đơn là bà Trịnh Thị H

cur trú tại xã P, huyện V, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Trịnh Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa bà Trịnh Thị S và bà Trịnh Thị H được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các giấy vay tiền thể hiện trong năm 2014 bà Trịnh Thị H có vay bà Trịnh Thị S 02 lần tiền, cụ thể: Ngày 27/02/2014 (âm lịch) tức ngày 27/3/2014 (dương lịch) bà H có vay bà S số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Đến ngày 23/3/2014 (âm lịch) tức là ngày 22/4/2014 (dương lịch) bà H trả trả cho bà S được 20.000.000 đồng tiền gốc, nên tính đến ngày 22/4/2014 (dương lịch) bà H còn nợ bà S 20.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 27/7/2014 (âm lịch) tức là ngày 22/8/2014 (dương lịch) bà H lại vay thêm bà S số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tổng số tiền bà H vay bà S tính đến ngày 22/8/2014 (dương lịch) là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Bà Trịnh Thị H cũng thừa nhận đã vay của bà S số tiền trên là đúng thực tế. Khi vay hai bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, mà thỏa thuận khi nào bà S cần sẽ báo trước cho bà H 01 tháng. Khoản vay ngày 27/3/2014 (dương lịch) lãi suất không cụ thể mà chỉ được ghi theo thỏa thuận, khoản vay ngày 22/8/2014 (dương lịch) lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng. Quá trình vay nợ (tính từ ngày vay khoản tiền sau) bà H đã trả cho bà S 02 lần tiền bằng hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, bà H cho rằng số tiền này được trừ vào số tiền nợ gốc, nhưng bà S không đồng ý mà cho rằng bà H phải trả lãi cho bà đầy đủ, số tiền thừa mới được trừ vào tiền gốc tại thời điểm trả tiền. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận 18.000.000 đồng được bà H trả vào số tiền nợ gốc đã vay bà S. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn, bà S đã nhiều lần đòi nhưng bà H vẫn cố tình không trả nên bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà Trịnh Thị S yêu cầu bà Trịnh Thị H trả

nợ cho bà S số tiền gốc đã vay còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trịnh Thị S số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về lãi suất: Trong giấy vay nợ đề ngày 27/02/2014 (âm lịch) tức ngày 27/3/2014 (dương lịch), không ghi lãi suất cụ thể, mà ghi theo thỏa thuận, bà S cho rằng hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/tháng, bà H cho rằng lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bên không thống nhất được mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận khi vay, bà S khẳng định từ ngày vay đến nay bà H mới trả cho bà S tổng cộng được 18.000.000 đồng tiền lãi. Vì thế, không có cơ sở để chấp nhận ngoài số tiền 18.000.000 đồng, bà H đã trả lãi cho bà S đến hết tháng 4/2018. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà S yêu cầu bị đơn là bà H trả lãi suất trên số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng tính từ ngày 23/3/2014 (âm lịch) tức ngày 22/4/2014 (dương lịch) theo mức lãi suất mà pháp luật quy định. Như vậy, có sự tranh chấp về lãi suất nên từ ngày 22/4/2014 đến ngày 31/12/2016 áp dụng mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 305; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án với lãi suất 9%/năm là phù hợp. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/10/2023 áp dụng Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là 10%/năm. Cụ thể:

Từ ngày 22/4/2014 đến ngày 31/12/2016 là 32 tháng 09 ngày: $20.000.000đ \times 0,75\% \times 32 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 4.845.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/10/2023 là 81 tháng 25 ngày: $20.000.000 \times 0,83\% \times 81 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 13.584.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi của số tiền vay 20.000.000 đồng là: 18.429.000 đồng.

Trong giấy vay nợ đề ngày 27/7/2014 (âm lịch) tức ngày 22/8/2014 (dương lịch), bà H vay bà S 30.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Bà H cho rằng thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói với nhau là 2.000 đồng/triệu/ngày nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trịnh Thị S yêu cầu bà H phải trả lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất mà pháp luật quy định là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 nên được chấp nhận. Từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 áp dụng mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án với lãi suất 13,5%/ năm, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/10/2023 áp dụng khoản 1 Điều

468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết với lãi suất là 20%/ năm là phù hợp. Cụ thể:

Từ ngày 22/8/2014 đến ngày 31/12/2016 là 28 tháng 09 ngày = 30.000.000 đồng x 1,125%/ tháng = 9.551.000 đồng

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/10/2023 là 81 tháng 25 ngày = 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 40.753.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng là 50.304.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của 02 khoản vay là: 68.733.000 đồng. Bà H đã trả cho bà S 18.000.000 đồng tiền lãi. Vì vậy, số tiền lãi bà H phải trả cho bà S là: 50.733.000 đồng (năm mươi triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tổng số tiền cả gốc và lãi bà H phải trả cho bà S là: 50.000.000 đồng (tiền gốc) + 50.733.000 đồng (tiền lãi) = 100.733.000 đồng (một trăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị S được chấp nhận nên bà Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 100.733.000 đồng x 5% = 5.036.650 đồng (làm tròn số 5.036.700 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 281, Điều 290, Điều 302, Điều 305; Điều 471, Điều 474, Điều 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Các Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trịnh Thị S. Buộc bà Trịnh Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trịnh Thị S số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 50.733.000 đồng (năm mươi triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền lãi. Tổng số tiền bà Trịnh Thị H phải trả cho bà Trịnh Thị S là 100.733.000 đồng (một trăm triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 27/10/2023, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị H phải nộp 5.036.700 đồng (năm triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang